

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/DS-ST

Ngày: 13-01-2021

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Vũ**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lý Minh Hùng**

2. Ông **Nguyễn Văn Bình**

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Tân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 350/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2020 về “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 270/2020/QĐXX-ST ngày 03 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn A

Địa chỉ: số 266 - 268 đường A, phường B, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Phan Minh K**, sinh năm: 1980. Trú tại: ấp D, xã E, huyện G, tỉnh Tiền Giang. (Văn bản ủy quyền ngày 23 tháng 7 năm 2020)

2. Bị đơn: Bà Bùi Thị Xuân L sinh năm: 1969

Địa chỉ: số 31A, tổ M, khu N, thị trấn P, huyện Q, tỉnh Tiền Giang

(Ông K có mặt, bà L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23 tháng 7 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn A là ông Phan Minh K trình bày: Ngày 30 tháng 11 năm 2017 bà Bùi Thị Xuân L có ký kết với Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng tín dụng số LD1733400526 để vay số tiền 80.000.000 đồng với mục đích là tiêu dùng, lãi suất là 9,6%/năm, thời hạn vay là 60 tháng. Sau khi vay, tính đến ngày 23 tháng 7 năm 2020 bà L đã trả cho Ngân hàng tổng cộng số tiền là 53.293.511 đồng (trong đó tiền vốn là 35.991.000 đồng, tiền lãi là 17.302.511 đồng) đến nay không trả tiếp. Ngân hàng

đã nhiều lần yêu cầu, tạo điều kiện cho bà trả nợ nhưng bà L vẫn không thực hiện. Tính đến ngày xét xử là ngày 13 tháng 01 năm 2021 bà L còn nợ Ngân hàng các khoản sau: tiền vốn 44.009.000 đồng, lãi trong hạn 6.718.823 đồng, lãi quá hạn 797.785 đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu bà L trả số tiền vốn lãi tổng cộng là 51.525.608 đồng.

Bà Bùi Thị Xuân L đã được Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Tiền Giang tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng bà L không có văn bản gửi Tòa án thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Tại phiên tòa ông K là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên, bà L đã được Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Tiền Giang triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà L là phù hợp điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ngân hàng khởi kiện bà Bùi Thị Xuân L về việc vay tiền, bà L cư trú tại khu N, thị trấn P, huyện Q, tỉnh Tiền Giang do đó Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Tiền Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn A yêu cầu bà L trả tiền vay theo Hợp đồng tín dụng nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại Điều 94 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 463 Bộ luật dân sự.

[2] Về nội dung: Giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn A và bà Bùi Thị Xuân L thực tế có xảy ra quan hệ vay tài sản với nhau được thể hiện qua hợp đồng tín dụng số LD1733400526 ngày 30 tháng 11 năm 2017 do Ngân hàng cung cấp có chữ ký tên của bà L và đại diện Ngân hàng. Hợp đồng tín dụng có nội dung thể hiện bà L vay Ngân hàng số tiền là 80.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tính đến ngày 23 tháng 7 năm 2020 bà L đã trả Ngân hàng tổng số tiền vốn lãi là 53.293.511 đồng thì ngưng trả đến nay. Tính đến ngày xét xử 13 tháng 01 năm 2021 bà L còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 51.525.608 đồng (trong đó tiền vốn 44.009 đồng, lãi trong hạn 6.718.823 đồng, lãi quá hạn 797.785 đồng). Xét thấy, chứng cứ Ngân hàng cung cấp có thể hiện số tiền mà bà L vay và còn nợ Ngân hàng như lời trình bày của ông K tại phiên tòa, bà L đã được Tòa án nhân dân huyện Q tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập nhiều lần để giải quyết vụ án nhưng vẫn cố tình vắng mặt không lý do chứng tỏ bà L biết mình có vay và nợ Ngân hàng số tiền vốn lãi tổng cộng là 51.525.608 đồng (tính đến ngày xét xử) đến nay chưa trả. Bà L đã nhận được tiền của mình là nhận tiền vay từ Ngân hàng nhưng đến hạn trả nợ theo thỏa thuận thì lại cố tình không thực hiện mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần

nhắc nhở là nhằm kéo dài thời gian làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Do đó cần buộc bà L trả Ngân hàng số tiền vốn lãi tổng cộng là 51.525.608 đồng là phù hợp Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 466 Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí: Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn A.

1.1 Buộc bà Bùi Thị Xuân L phải có nghĩa vụ trả Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn A số tiền vay vốn lãi tổng cộng là 51.525.608 đồng (năm mươi một triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn sáu trăm lẻ tám đồng).

1.2 Kể từ ngày Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn A có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Bùi Thị Xuân L chậm thi hành đối với số tiền trên thì còn phải chịu thêm khoản lãi theo Hợp đồng tín dụng số LD1733400526 ngày 30 tháng 11 năm 2017.

2. Về án phí:

2.1 Bà Bùi Thị Xuân L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.576.000 đồng (hai triệu năm trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

2.2 Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn A 1.181.000 đồng (một triệu một trăm tám mươi một nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004127 ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Q.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với bà Bùi Thị Xuân L thời hạn kháng cáo trên được tính kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Vũ

